



ضَعْ اسْمَ حَيَوَانٍ أَوْ طَيْرٍ فِي الْفَرَاغِ

Điền tên con vật hoặc con chim vào chỗ trống

1 {وَإِذْ قَالَ مُوسَىٰ لِقَوْمِهِ إِنَّ اللَّهَ يَأْمُرُكُمْ أَنْ تَذْبَحُوا (.....)}

{(Các người hãy nhớ lại) khi Musa bảo người dân của Y: “Quả thật Allah đã ra lệnh cho các người cắt tiết một (.....).”} (chương 2 - Al-Baqarah: 67).

2 {فَالْتَقَمَهُ (.....) وَهُوَ مُلِيمٌ} {Rồi một (.....) đã nuốt chửng Y vì Y đã phạm một điều đáng trách.} (chương 37 – As-Saaffat: 142).

3 {وَتَفَقَّدَ الطَّيْرَ فَقَالَ مَا لِيَ لَا أَرَى (.....) أَمْ كَانَ مِنَ الْغَائِبِينَ}

{Rồi khi (Sulayman) kiểm tra đoàn chim, Y bảo: “Sao Ta không thấy (.....) đâu cả, phải chăng nó vắng mặt?”} (chương 27 – An-Naml: 20).

4 {فَبَعَثَ اللَّهُ (.....) يَبْحَثُ فِي الْأَرْضِ لِيُرِيَهُ كَيْفَ يُورِي سَوْءَةَ أَخِيهِ}

{Rồi Allah gửi đến một (.....) bới đất để cho y thấy cách chôn đi cái xác người em của y.} (chương 5 – Al-Ma-idah: 31).

5 {قَالَ إِنِّي لَيَحْزُنُنِي أَنْ تَذْهَبُوا بِهِ وَأَخَافُ أَنْ يَأْكُلَهُ (.....) وَأَنْتُمْ عَنْهُ غَافِلُونَ}

{(Ya'qub) nói: “Thật vậy, cha cảm thấy buồn khi các con đưa em đi chơi xa (vì cha không thể chịu được khi rời xa nó); hơn nữa, cha sợ rằng (.....) sẽ ăn thịt nó khi các con lơ là do (mải mê vui chơi).”} (chương 12 – Yusuf: 13).

6 {يَأْيُهَا (.....) ادْخُلُوا مَسَاكِنَكُمْ لَا يَحْطِمَنَّكُمْ سُلَيْمَانُ وَجُنُودُهُ وَهُمْ لَا يَشْعُرُونَ}

{“Hỡi (.....), các người hãy mau lui vào chỗ ở của các người kẻ Sulayman và đoàn quân của Người (vô tình) giẫm nát các người trong lúc họ không hề hay biết.”} (chương 27 – An-Naml: 20).

7 {إِنْ هَذَا أَخِي لَهُ تِسْعٌ وَتِسْعُونَ (.....) وَلِيَ (.....) وَاحِدَةً} {Quả thật, đây là người anh em (trong đạo) của tôi. Anh ấy có chín mươi chín (.....) còn tôi chỉ có một (.....) duy nhất.} (chương 38 – Sad: 23).

8 {فَمَثَلُهُ كَمَثَلِ (.....) إِنْ تَحْمِلْ عَلَيْهِ يَلْهَثْ أَوْ تَتْرُكْهُ يَلْهَثْ} {Hình ảnh của y giống như hình ảnh của (.....): dù Người đánh đuổi nó hoặc không đánh đuổi nó thì nó vẫn cứ lè lưỡi ra.} (chương 7 – Al-Araf: 176).



9 {أَلَمْ تَرَ كَيْفَ فَعَلَ رَبُّكَ بِأَصْحَابِ (.....)}

{(Này hỡi Muhammad!) Người đã không thấy cách Thượng Đế của Người đối xử với đoàn quân cuội (.....) ư?} (chương 105: Al-Fil: 1).

10 {كَانَتْهُمْ (.....) مُسْتَنْفِرَةً * فَرَّتْ مِنْ (.....)}

{(50) Chúng quay lưng bỏ chạy tránh xa (Qur'an) giống như những (.....) hoảng sợ. (51) Tháo chạy trước con sư tử.} (chương 74 – Al-Muddaththir:50,51)

11 {فَأَلْقَى عَصَاهُ فَإِذَا هِيَ (.....) مُبِينٌ}

{Thè là (Musa) ném chiếc gậy của Y xuống, nó lập tức biến thành một (.....) thực sự.} (chương 7 – Al-'Araf: 107).

12 {مَثَلُ الَّذِينَ حُمِّلُوا التَّوْرَةَ ثُمَّ لَمْ يَحْمِلُوهَا كَمَثَلِ (.....) يَحْمِلُ أَسْفَارًا}

{Hình ảnh của những người được giao cho Kinh Tawrah nhưng rồi không thi hành theo nó giống như hình ảnh của một (.....) chơ trên lưng nó hằng đồng sách.} (chương 62 – Al-Jumu'ah:5)

13 {وَيَا قَوْمِ هَذِهِ (.....) اللَّهُ لَكُمْ آيَةٌ فَذَرُوهَا تَأْكُلْ فِي أَرْضِ اللَّهِ وَلَا تَمَسُّوهَا بِسُوءٍ}

{“Hỡi người dân của Ta, đây là (.....) của Allah, một dấu hiệu dành cho các người. Vì vậy, các người hãy để mặc nó tự do ăn uống trên đất của Allah, các người chớ đừng chạm đến nó bất cứ điều hại nào.”} (chương 11 – Hud: 64).

14 {وَأَوْحَى رَبُّكَ إِلَى (.....) أَنْ اتَّخِذِي مِنَ الْجِبَالِ بُيُوتًا وَمِنَ الشَّجَرِ وَمِمَّا يَعْرِشُونَ}

{Thượng Đế của Người (Thiên Sứ Muhammad) đã mặc khải cho loài (.....): “Người hãy xây tổ trên núi, trên cây và trên những vật mà (con người) dựng lên thành giàn.”} (chương 16 – An-Nahl: 68).

15 {فَأَرْسَلْنَا عَلَيْهِمُ الطُّوفَانَ وَ(.....) وَ(.....) وَ(.....) وَالْدَّمَ آيَاتٍ مُفْصَّلَاتٍ فَاسْتَكْبَرُوا وَكَانُوا قَوْمًا مُجْرِمِينَ}

{Vì vậy, TA (Allah) đã gởi xuống bọn chúng lũ lụt, (.....), (.....), (.....) và máu (trừng phạt bọn chúng).} (chương 7 – Al-'Araf: 133).

16 {مَثَلُ الَّذِينَ اتَّخَذُوا مِنْ دُونِ اللَّهِ أَوْلِيَاءَ كَمَثَلِ (.....) اتَّخَذَتْ بَيْتًا}

{Hình ảnh của những kẻ nhận lấy các vị bảo hộ khác ngoài Allah giống như hình ảnh của một (.....) giảng tơ làm nhà.} (chương 29 – Al-'Ankabut: 41).

17 {فَلَمَّا عَتَوْا عَمَّا نُهَوْا عَنْهُ فُلْنَا لَهُمْ كُونُوا (.....) خَاسِرِينَ}

{Cho nên, khi bọn họ công khai làm điều cấm thì TA phán bảo với họ: “Đám người các người hãy biến thành (.....) hèn hạ!”} (chương 7 – Al-'Araf: 166).



18 {أَفَلَا يَنْظُرُونَ إِلَى (.....) كَيْفَ خُلِقَتْ}

{(Những kẻ vô đức tin) không nhìn thấy những (.....) được tạo ra như thế nào ư?} (chương 88 – Al-Ghashiyah: 17).

19 {خُشِعَا أَبْصَارُهُمْ يَخْرُجُونَ مِنَ الْأَجْدَاثِ كَأَنَّهُمْ (.....) مِّنْتَشِرُونَ}

{Chúng trỗi ra khỏi mộ, cái nhìn của chúng đầy nỗi sợ hãi (một cách hèn hạ), (chúng chạy đi) giống như các (.....) bay tán loạn.} (chương 54 – Al-Qamar: 7).

20 {يَوْمَ يَكُونُ النَّاسُ (.....) الْمَبْثُوثِ}

{Đó là Ngày mà con người sẽ giống như những (.....) bay tán loạn.} (chương 101 – Al-Qari'ah: 4)

21 {مَنْ لَعَنَهُ اللَّهُ وَغَضِبَ عَلَيْهِ وَجَعَلَ مِنْهُمْ (.....) وَ (.....)}

{Đó là những kẻ mà Allah đã nguyền rủa, đã phẫn nộ, những kẻ mà Ngài biến một số tên trong bọn họ (.....), (.....)} (chương 5 – Al-Ma'idah: 60).

22 {فَرَاغَ إِلَى أَهْلِهِ فَجَاءَ (.....) سَمِينٌ}

{Rồi (Ibrahim) quay vào gặp người nhà. Sau đó, (Ibrahim) mang ra một (.....) (nướng) mập béo.} (chương 51 – Azd-Zdariyat: 26).

23 {فَالْقَاهَا فَإِذَا هِيَ (.....) تَسْعَى}

{Musa ném chiếc gậy xuống, nó liền biến thành một (.....) bò nhanh nhẹn.} (chương 20 – Taha: 20)

24 {ثَمَانِيَةَ أَزْوَاجٍ مِّنَ (.....) اثْنَيْنِ وَمِنَ (.....) اثْنَيْنِ}

{(Allah đã tạo ra cho các người) tám loại (.....) hai con đực cái và (.....) hai con đực cái.} (chương 6 – Al-An'am: 143)

25 {إِنَّ اللَّهَ لَا يَسْتَحْيِي أَنْ يَضْرِبَ مَثَلًا مَّا (.....) فَمَا فَوْقَهَا}

{Chắc chắn Allah không hề e ngại khi Ngài đưa ra hình ảnh thí dụ về (.....) hay một sinh vật khác lớn hơn (hoặc nhỏ hơn).} (chương 2 – Al-Baqarah: 26).

26 {قَالُوا نَفَقْدُ صَوَاعِ الْمَلِكِ وَلِمَن جَاءَ بِهِ حِمْلُ (.....) وَأَنَا بِهِ زَعِيمٌ}

{(Những người hô hoán) nói: "Chúng tôi mất một cái lều thóc của nhà vua." (Và người đứng đầu của họ nói thêm): "Ai mang nó trả lại thì sẽ được thưởng số thóc bằng sức chở của một (.....), ta đảm bảo điều đó."} (chương 12 – Yusuf: 72)

27 {إِنَّهَا تَرْمِي بِشَرَرٍ كَالْقَصْرِ كَأَنَّهُ (.....) صُفْرٌ}

{(32) Thật vậy, nó phun ra những tia lửa (khổng lồ) như pháo đài. (33) Giống như những (.....) vàng.} (chương 77 – Al-Mursalat: 32, 33).

28 {قَالَ هِيَ عَصَايَ أَتَوَكَّأُ عَلَيْهَا وَأَهُشُّ بِهَا عَلَى (.....) وَلِي فِيهَا مَأْرَبٌ أُخْرَى}

{(Musa) nói: "Thưa, đó là chiếc gậy của bầy tôi, bầy tôi thường dùng nó để chống khi đi lại, bầy tôi cũng dùng nó để đập rụng lá cây cho (.....) của bầy tôi và bầy tôi dùng nó cho nhiều việc khác nữa."} (chương 20 – Taha: 18)

29 {إِنَّ الَّذِينَ تَدْعُونَ مِنْ دُونِ اللَّهِ لَن يَخْلُقُوا (.....) وَلَوْ اجْتَمَعُوا لَهُ}

{Quả thật, những kẻ mà các người khẩn vái ngoài Allah sẽ không bao giờ tạo ra được một (.....) cho dù chúng có hợp sức lại với nhau để làm chuyện đó đi chăng nữa} (chương 22 – Al-Hajj: 73)

30 {وَأَعِدُّوا لَهُمْ مَا اسْتَطَعْتُمْ مِنْ قُوَّةٍ وَمِنْ رِبَاطٍ (.....) تُرْهِبُونَ بِهِ عَدُوَّ اللَّهِ وَعَدُوَّكُمْ}

{Các người (những người có đức tin) hãy chuẩn bị chống lại chúng bằng bất cứ thứ gì có thể, từ sức mạnh và các (.....), để cho kẻ thù của Allah và kẻ thù của các người} (chương 8 – Al-Anfal: 60)